

để khô ở nhiệt độ phòng. Phun hỗn hợp dung dịch acid boric 10 % - acid oxalic 10 % (2 : 1) hoặc thuốc thử NP-PEG (TT). Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được điều đối chiếu, hoặc có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết apigenin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 11,0 % đối với dược liệu khô (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 24,0 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 17,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng ethanol 96 % (TT) làm dung môi.

Bảo quản

Để nơi khô, thoáng mát, tránh nấm mốc.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, cay, mùi thơm.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt, chỉ ho, kích thích tiêu hóa, lợi tiểu. Chủ trị: Khí huyết kém điều hòa, tiểu tiện bí, rất.

Cách dùng, liều lượng

Dùng tươi: Ngày dùng 500 g. Sau khi nhổ cây, rửa sạch, cắt đoạn dài từ 2 cm đến 3 cm, giã nát, thêm nước đun sôi để nguội, vắt lấy nước để uống.

Dùng khô: Ngày dùng 16 g đến 25 g dược liệu khô dưới dạng hầm hoặc sắc; uống 2 đến 3 lần trong ngày.

Kiểm kê

Khi dùng trị cao huyết áp, nếu huyết áp đã hạ thì ngừng dùng.

CÂU ĐĂNG

Uncariae Ramulus cum Unco

Đoạn thân có gai hình móc câu, được làm khô của một số loài câu đằng (*Uncaria spp.*), họ Cà phê (Rubiaceae). Thu hoạch vào giữa mùa xuân đến giữa mùa thu, lấy các dây Câu đằng bánh tẻ, chặt lấy các đoạn có móc câu theo kích thước quy định, đem phơi nắng hoặc sấy ở 50 °C đến 60 °C đến khô.

Mô tả

Dược liệu là các đoạn mấu thân mang gai hình móc câu. Phần thân vuông, màu nâu thẫm, được cắt đoạn 2 cm đến 3 cm, đường kính 2 mm đến 5 mm, một đầu thường cắt sát gần móc câu (ở phía trên). Phần lớn mấu thân có hai móc câu cong xuống hướng vào trong, đối diện nhau (song câu đằng); một số mấu chỉ có một móc ở một bên và phía đối

diện là một sọc ở cao hơn. Các móc câu thường tròn hoặc hơi dẹt, đầu móc nhọn, để tương đối rộng. Chất cứng, dai, ruột màu trắng vàng hoặc có lỗ. Không mùi, vị nhạt.

Ghi chú: Loại song câu đằng là loại tốt hơn loại đơn móc câu. Khi mới mọc có màu xanh, lúc già có màu nâu. Loại cứng nhưng màu xanh là loại non có chất lượng tốt hơn loại già. Loại câu đằng không có gai không được dùng, không có tác dụng chữa bệnh.

Vĩ phẫu

Biểu bì gồm một hàng tế bào hình chữ nhật thành dãy. Giữa mô mềm vỏ và libe đôi khi có những khuyết gian bào, thấy rõ sợi trụ bì. Libe cấp 2 trong có những tế bào chứa chất nhựa màu xanh sẫm. Tầng sinh libe-gỗ. Gỗ cấp 2 xen lẫn những sợi gỗ, trong mô mềm gỗ có tinh thể calci oxalat hình cầu gai. Mô mềm ruột là những tế bào hình nhiều cạnh, hơi kéo dài.

Bột

Bột màu nâu. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Sợi thành dày, riêng lẻ hoặc tập trung thành bó. Mảnh biểu bì tế bào màu vàng nâu, hình nhiều cạnh. Mảnh mô mềm tế bào đôi khi chứa tinh thể dạng cát. Đôi khi thấy lông che chở đa bào, có thể tới 5 hoặc 7 tế bào, đầu tế bào thuôn nhọn, thành dày, trên bề mặt chứa chất màu nâu. Nhiều đám tế bào mô cứng có khoang rộng, ống trao đổi rõ. Rải rác có các tinh thể calci oxalat hình cầu gai, mảnh mạch vạch, mạch xoắn.

Định tính

Lấy khoảng 5 g bột dược liệu, thẩm ẩm bằng amoniac (TT), để yên 30 min, cho thêm 30 ml ethyl acetat (TT), lắc 5 min đến 10 min, để yên 1 h. Gạn, lọc dịch chiết vào bình gạn, thêm 40 ml nước, lắc kỹ, gạn lấy dịch chiết ethyl acetat, thêm 5 ml dung dịch acid sulfuric 5 % (TT). Lắc đều và tách lấy lớp acid, chiết tiếp phần dung môi một lần nữa. Gộp các dịch acid cho vào các ống nghiệm để làm các phản ứng sau:

Ống 1: Thêm 2 giọt thuốc thử Mayer (TT), xuất hiện tủa vàng nhạt.

Ống 2: Thêm 2 giọt thuốc thử Dragendorff (TT), xuất hiện tủa đỏ cam.

Ống 3: Thêm 2 giọt thuốc thử Bouchardat (TT), xuất hiện tủa nâu.

Ống 4: Thêm 2 giọt dung dịch acid picric (TT), xuất hiện tủa vàng.

Độ ẩm

Không quá 12 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tạp chất

Đoạn thân có gai dài quá 3 cm: Không quá 10 % (Phụ lục 12.11).

Chế biến

Câu đằng đã khô loại bỏ tạp chất, bỏ lá, bỏ những đoạn không có móc câu, rửa sạch phơi khô dùng làm thuốc, câu đằng không sao tẩm.

Bảo quản

Để nơi khô, mát ráo tránh ẩm mốc.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, tính hơi hàn. Vào các kinh can và tâm bào.

Công năng, chủ trị

Thanh nhiệt, giáng hỏa, bình can tức phong, định kinh. Chủ trị: Đau đầu chóng mặt cảm mạo do phong nhiệt. Trẻ em sốt cao lên cơn co giật, động kinh co giật, có thai co giật. Trị huyết áp cao (gan nóng bốc hỏa đau đầu huyết áp tăng) do can khí uất kết. Điều trị cả chứng cấp kinh phong và mạn kinh phong.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, có thể dùng 16 g đến 20 g đối với chứng kinh phong co giật, dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán. Dùng sắc thì sau khi thuốc sắc gần được mới cho câu đắng vào đun sôi một chút là được, nếu sắc lâu nhiệt hòa làm giảm tác dụng.

Kiêng kỵ

Không có phong nhiệt và thực hỏa không được dùng.

CAU KỶ TỬ

Lycii Fructus

Quả chín được làm khô của cây Câu kỷ (*Lycium barbarum* L.), họ Cà (Solanaceae). Thu hoạch vào mùa hè và mùa thu khi quả đã chuyển màu đỏ vàng. Sau khi thu hoạch, bỏ hết tạp chất, phơi trong bóng râm khi thấy vỏ quả bắt đầu nhăn nheo thì mang ra phơi nắng nhẹ (nếu phơi nắng ngay từ đầu làm quả vỡ) hoặc có thể sấy ở nhiệt độ khoảng 60 °C đến khi vỏ ngoài quả khô và cứng, thịt quả mềm. Loại bỏ cuống.

Mô tả

Quả hình trứng dài hay trái xoan, hai đầu hơi lõm, dài 6 mm đến 20 mm, đường kính 3 mm đến 10 mm. Mặt ngoài màu đỏ cam, mềm, bóng, thường nhăn nheo. Góc quả có vết cuống quả màu trắng còn sót lại, đỉnh quả có điểm nhỏ hơi nhô lên. Quả có nhiều hạt nhỏ hình thận dẹt, hai mặt hơi cong phồng hoặc có một mặt lõm. Hạt màu vàng nâu có nội nhũ, rón hạt là một điểm lõm nhỏ ở mép hạt. Chất mềm, vị ngọt hơi chua.

Ghi chú: Quả chín có màu đỏ sẫm hoặc vàng đỏ, trong có nhiều hạt, quả lớn đều nhau, mềm là loại tốt, quả bé khô màu thâm đen không nên dùng.

Bột

Màu vàng cam hoặc nâu đỏ, hơi dính. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Mảnh biểu bì vỏ quả ngoài tế bào hình nhiều cạnh hoặc hình đa giác kéo dài khi nhìn trên bề mặt, thành tế bào mặt ngoài có các vạch cutin xếp song song, thành tế bào trong thẳng hoặc lượn sóng. Mảnh mô mềm của vỏ quả giữa tế bào hình nhiều cạnh, thành mỏng, khoang chứa

các hạt màu nâu đỏ hoặc đỏ cam. Tế bào cứng của vỏ hạt hình nhiều cạnh không đều khi nhìn trên bề mặt, thành dày, nhấp nhô, có vạch rõ. Mảnh nội nhũ tế bào thành mỏng chứa các giọt dầu không màu.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 10 ml nước (TT), đun trong cách thủy trong 15 min, lọc lấy dịch lọc. Nhỏ 1 giọt dịch lọc lên giấy lọc, sấy nhẹ cho khô. Soi vết dịch chiết dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Vết dịch chiết phát quang lơ sáng. Nhỏ thêm lên vết dịch chiết 1 giọt dung dịch natri hydroxyd 2 % (TT). Huỳnh quang của vết ngả sang màu lá mạ.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel G.

Dung môi khai triển: Cloroform - ethyl acetat - acid formic (2 : 3 : 1).

Dung dịch thử: Lấy 0,5 g bột dược liệu cho vào bình nón 50 ml, thêm 20 ml nước (TT), đun trong cách thủy trong 20 min, để nguội, lọc lấy dịch lọc. Lắc dịch lọc với ethyl acetat (TT) 3 lần, mỗi lần 5 ml. Gộp chung dịch chiết ethyl acetat, bay hơi đến gần cạn cách thủy. Hòa tan gần với 1 ml ethyl acetat (TT), được dung dịch thử.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy khoảng 0,5 g bột Câu kỷ tử (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 5 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai xong, lấy bản mỏng ra để khô ở nhiệt độ phòng, quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 2 g, 80 °C, 5 h).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được trong dược liệu

Không dưới 55,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10).

Dùng nước làm dung môi.

Chế biến

Câu kỷ tử tán bột: Khi làm hoàn tán thì sấy nhẹ cho khô rồi tán bột, không sấy giòn vì mất tác dụng.

Câu kỷ tử tẩm rượu sao: Theo yêu cầu của thầy thuốc. Tẩm rượu Câu kỷ tử sao (Phụ lục 12.20) là để đưa thuốc vào can, chủ yếu chữa các chứng ở gan.

Bảo quản

Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc.

Khi dược liệu bị thâm đen có thể dùng rượu 40° phun vào rồi đảo đều, để khô rượu, nếu đỏ trở lại mới dùng. Nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến.